

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DINH DƯỠNG AN PHÁT**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DINH DƯỠNG AN PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: AN PHAT NUTRITION TRADING CO., LTD

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108623578

**3. Ngày thành lập:** 26/02/2019

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 4 ngách 18/36 Định Công Thượng, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024 3636 5522

Fax:

Email: [quynhanh.tqn@gmail.com](mailto:quynhanh.tqn@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành    |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Bán buôn thực phẩm                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632(Chính) |
| 2.  | Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                 | 8211        |
| 3.  | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8121        |
| 4.  | Bán mô tô, xe máy<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)                                                                                                                                                                                     | 4541        |
| 5.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>Loại trừ: Tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán                                                                                                                                                                            | 7020        |
| 6.  | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                    | 4719        |
| 7.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                                                                                                                                                                                                              | 5221        |
| 8.  | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                           | 5210        |
| 9.  | Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng                                                                                                                                                                                                              | 5621        |
| 10. | Cung ứng và quản lý nguồn lao động<br>Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài) | 7830        |
| 11. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động<br>Loại trừ: Kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường                                                                                                                                                                       | 5610        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 12. | Dịch vụ lưu trú ngắn ngày<br>Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú ngắn ngày tương tự | 5510 |
| 13. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                                                                                         | 8230 |
| 14. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh                                                                                                                                | 4932 |
| 15. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                    | 4933 |
| 16. | Cho thuê xe có động cơ<br>Chi tiết: Cho thuê ô tô                                                                                                                                                                                 | 7710 |
| 17. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận                                                                                                                                                                                          | 7320 |
| 18. | Quảng cáo<br>(không bao gồm quảng cáo thuốc lá);                                                                                                                                                                                  | 7310 |
| 19. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại đồ chơi có hại cho sự giáo dục, phát triển nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc ảnh hưởng tới an ninh trật tự, an toàn xã hội)                            | 4764 |
| 20. | Đại lý du lịch                                                                                                                                                                                                                    | 7911 |
| 21. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>Loại trừ đấu giá ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                  | 4513 |
| 22. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                       | 4512 |
| 23. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm hoạt động đấu giá tài sản theo quy định Luật đấu giá tài sản)                                                                                                               | 4511 |
| 24. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                  | 4722 |
| 25. | Bán buôn đồ uống                                                                                                                                                                                                                  | 4633 |
| 26. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Loại trừ Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế                                                                                                                                                 | 4649 |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                    | 4723 |
| 28. | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa                                                                                                                                                                                               | 1050 |
| 29. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                  | 5224 |
| 30. | Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ thuốc lá ngoại)                                                                                                                                       | 4724 |
| 31. | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Loại trừ đấu giá hàng hóa                                                                                                                                                                   | 4610 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | BACH THI QUỲNH MAI | Số 77 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 900.000.000           | 30,000    | 031189002690                                                                                                                                      |         |
| 2   | LÊ ANH TUẤN        | Số 77 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 2.100.000.000         | 70,000    | 001084019936                                                                                                                                      |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: LÊ ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 07/07/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001084019936

Ngày cấp: 28/11/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 77 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 77 Bùi Ngọc Dương, Phường Bạch Mai, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội